

MIRAE
CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
---oOo---
Số: 11/2021/CV-CK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
---oOo---
Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
Mã chứng khoán: KMR
Địa chỉ trụ sở chính: KP 1B, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0274 3791 038
Fax: 0274 3791 037
Người thực hiện công bố thông tin: Shin Young Sik – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Mirae xin công bố Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2021 tại đường dẫn : <http://miraejsc.com/c46/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên:
- Lưu Mirae.

Tài liệu đính kèm:

Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau kiểm toán năm 2020

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Kính gửi:

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào:

- Báo cáo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ Phần Mirae đã được kiểm toán bởi Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt
- Báo cáo cáo tài chính quý 4 năm 2020 đã công bố ngày 19/01/2021

Công ty xin giải trình các chênh lệch liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 như sau:

1. Giải trình số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên

Chỉ Tiêu	MS	Số liệu 2020 trên BCTC quý 4/2020	Số liệu 2020 trên BCTC đã được kiểm toán	Chênh lệch/+	Chênh lệch%	Giải Trình
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	416,327,260,639	416,927,867,690	600,607,051		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	150,000	150,000	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	416,327,110,639	416,927,717,690	600,607,051	0%	.1.
4. Giá vốn hàng bán	11	359,768,287,396	361,016,177,000	1,247,889,604		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	56,558,823,243	55,911,540,690	- 647,282,553		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,313,531,255	2,313,271,398	- 259,857		
7. Chi phí tài chính	22	20,066,958,234	19,042,383,731	- 1,024,574,503	-5%	.2.
8. Chi phí bán hàng	24	22,736,892,172	22,738,493,772	1,601,600		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18,065,205,555	18,067,624,455	2,418,900		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	- 1,996,701,463	- 1,623,689,870	373,011,593		
11. Thu nhập khác	31	6,114,981,460	6,114,981,461	1		
12. Chi phí khác	32	2,533,090,820	2,533,090,820	-		
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	3,581,890,640	3,581,890,641	1		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	1,585,189,177	1,958,200,771	373,011,594	24%	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,274,389,556	1,775,862,772	501,473,216	39%	.3.
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	310,799,621	182,337,999	- 128,461,622	-41%	

--.1. Kiểm toán điều chỉnh tăng doanh thu bán hàng 600.607.051 đồng do Công ty chưa ghi nhận số liệu bán hàng ngày 31.12.2020 vào sổ kế toán

--.2. Chi phí tài chính giảm 5% so với số liệu Công ty đã công bố Báo cáo quý 4 năm 2020, nguyên nhân do kế toán hạch toán nhầm từ tài khoản giá vốn hàng bán số tiền 1.024.574.503 đồng, từ 2 bút toán điều chỉnh trên làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 24% tương đương tăng 373.011.594 đồng

--.3. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 39% tương đương 501.473.216 đồng do kế toán trích thiếu tiền thuế phải nộp trong năm 2020

Các thay đổi trên làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 sau kiểm toán giảm 128.461.622 đồng, tương đương 41%.



2. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Chỉ Tiêu	MS	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch/+	Chênh lệch%	Giải Trình
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	416,927,867,690	544,950,472,124	- 128,022,604,434	-23%	.1.
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	150,000	120,370,277	- 120,220,277		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	416,927,717,690	544,830,101,847	- 127,902,384,157		
4. Giá vốn hàng bán	11	361,016,177,000	470,748,680,718	- 109,732,503,718	-23%	.2.
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	55,911,540,690	74,081,421,129	- 18,169,880,439		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,313,271,398	1,645,065,438	668,205,960	41%	.3.
7. Chi phí tài chính	22	19,042,383,731	15,552,491,293	3,489,892,438	22%	.4.
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	15,653,407,577	13,568,829,459	2,084,578,118		
8. Chi phí bán hàng	24	22,738,493,772	32,622,371,162	- 9,883,877,390	-30%	.5.
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18,067,624,455	24,871,335,176	- 6,803,710,721	-27%	.6.
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	- 1,623,689,870	2,680,288,936	- 4,303,978,806		
11. Thu nhập khác	31	6,114,981,461	7,554,079,091	- 1,439,097,630	-19%	.7.
12. Chi phí khác	32	2,533,090,820	2,218,378,773	314,712,047	14%	.8.
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	3,581,890,641	5,335,700,318	- 1,753,809,677		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	1,958,200,771	8,015,989,254	- 6,057,788,483	-76%	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1,775,862,772	3,780,461,885	- 2,004,599,113	-53%	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	182,337,999	4,235,527,369	- 4,053,189,370	-96%	

1. Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2019: 544.950.472.124 đồng

Năm 2020: 416.927.867.690 đồng

Giảm : 128.022.604.434 đồng

Tỷ lệ giảm : 23%

Nguyên nhân: Trong năm 2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát làm ảnh hưởng đến tình hình mua bán, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ Phần Mirae nói riêng, làm cho lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 giảm rất nhiều.

2. Chỉ tiêu giá vốn hàng bán

Năm 2019: 470.748.680.718 đồng

Năm 2020: 361.016.177.000 đồng

Giảm : 109.732.503.718 đồng

Tỷ lệ giảm : 23%

Nguyên nhân: Do tình hình dịch bệnh, Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất hàng hóa nên giá vốn giảm tỷ lệ thuận với doanh thu bán hàng.

3. Chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2019: 1.645.065.438 đồng

Năm 2020: 2.313.271.398 đồng

Tăng : 668.205.960 đồng

Tỷ lệ tăng : 41%

Nguyên nhân: Năm 2020 tỷ giá ngoại tệ cao hơn so với 2019 nên khi đánh lại giá các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ sẽ cao hơn so với năm 2019

4. Chỉ tiêu chi phí tài chính

Năm 2019: 15.552.491.293 đồng

Năm 2020: 19.042.383.371 đồng

Tăng : 3.489.892.438 đồng

Tỷ lệ tăng : 22%

Nguyên nhân: Năm 2020 Công ty có vay ngoại tệ và do tỷ giá ngoại tệ năm 2020 có biến động so với năm 2019, nên chênh lệch tỷ giá ngoại tệ cũng thay đổi.

5. Chỉ tiêu chi phí bán hàng

Năm 2019: 32.622.371.162 đồng

Năm 2020: 22.738.493.772 đồng

Giảm : 9.883.877.390 đồng

Tỷ lệ giảm : 30%

Năm 2020 tình hình kinh doanh khó khăn hơn do xảy ra đại dịch nên Công ty không có nhiều chính sách ưu đãi, quảng cáo để tiếp cận thêm nhiều khách hàng, cho nên chi phí giảm so với năm 2019.

6. Chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2019: 24.871.335.176 đồng

Năm 2020: 18.067.624.455 đồng

Giảm : 6.803.710.721 đồng

Tỷ lệ giảm : 27%

Nguyên nhân: Chi phí quản lý giảm do trong năm 2020 Công ty xóa các khoản nợ không thu hồi được nên giảm khoản dự phòng đã trích lập

⇒ Tăng giảm của các chỉ tiêu trên làm ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm

7. Chỉ tiêu thu nhập khác

Năm 2019: 7.554.079.091 đồng

Năm 2020: 6.114.981.461 đồng

Giảm : 1.439.097.630 đồng

Tỷ lệ giảm : 19%

Nguyên nhân: Các khoản thu nhập khác của Công ty thường phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định đã qua sử dụng và phần hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa hộ cho khách hàng, trong năm 2020 các khoản thu nhập từ hỗ trợ chi phí vận chuyển giảm so với 2019 là do năm nay việc xuất bán hàng hóa của Công ty giảm rất nhiều so với năm ngoái.

8. Chỉ tiêu chi phí khác

Năm 2019: 2.218.378.773 đồng

Năm 2020: 2.533.090.820 đồng

Tăng : 314.712.047 đồng

Tỷ lệ tăng : 14%

Nguyên nhân: Năm 2020 Công ty khấu hao tài sản cố định đã ngưng sử dụng, khoản khấu hao này không được trừ khi tính thuế TNDN, nên hạch toán khoản phát sinh này vào chi phí khác năm 2020 góp phần làm chi phí khác tăng.

Tất cả các yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 giảm 4.053.189.370 đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 96% so với năm 2019.

Trên đây là bản giải trình những chỉ tiêu tài chính chênh lệch tăng, giảm trên 10% so với cùng kỳ, Công ty Cổ phần Mirae xin cam kết nội dung giải trình trên là đúng với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
TỔNG GIÁM ĐỐC



CHOI YOUNG HO

T.C.P. * *